

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ H  
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 19- 02 – 2024

Về việc: Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH KIÊN GIANG**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Giang Phước Thành.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Dũng.
2. Bà Chung Thị Ngọc.

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Huỳnh Thị Cẩm Tú – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Kiên Giang.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:*** Bà Lâm Thanh Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 02 năm 2024, tại phòng xử án Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 100/2023/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2023, về việc: “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 87/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 11 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 50/2023/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2024/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự :

***Nguyên đơn:*** Bà Trần Ngọc M, sinh năm 1981, có mặt.

Địa chỉ: Tổ M, khu phố B, phường B, thành phố H, tỉnh Kiên Giang.

***Bị đơn:*** Ông Nguyễn Trường G, sinh năm 1981, vắng mặt.

Địa chỉ: Tổ M, khu phố B, phường B, thành phố H, tỉnh Kiên Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Theo đơn khởi kiện ngày 28/6/2023, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn bà Trần Ngọc M trình bày:*** Bà và ông Nguyễn Trường G chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường P, thành phố H, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 12/4/2016. Thời gian chung sống với nhau vợ chồng ông bà phát sinh nhiều mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm, ông G không lo làm việc để phụ giúp bà chăm lo cho gia

đình, con cái, ông G cũng có mâu thuẫn với mẹ ruột của bà nên cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, ông bà không còn chung sống với nhau từ năm 2021 đến nay và cũng không còn quan tâm chăm sóc nhau. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên xin Tòa án cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Trường G.

Về con chung: Vợ chồng ông, bà chung sống có một con chung tên Nguyễn Trần Khánh N, sinh ngày 04/11/2016, giới tính nam. Hiện nay con chung đang sống với bà. Ly hôn, bà yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu ông G cấp dưỡng chi phí nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà trình bày ông, bà chung sống không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Quá trình giải quyết vụ án Tòa án tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ cho ông Nguyễn Trường G, tuy nhiên ông Nguyễn Trường G vắng mặt không có lý do, đồng thời không có văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của bà Trần Ngọc M tại Tòa án.*

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Kiên Giang phát biểu ý kiến:*

*Về việc chấp hành pháp luật tố tụng:* Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Nguyên đơn, thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

*Về nội dung vụ án:* Bà Trần Ngọc M và ông Nguyễn Trường G chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường P, thành phố H cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 12/4/2016. Bà Trần Ngọc M trình bày trong thời gian chung sống với nhau vợ chồng ông bà phát sinh nhiều mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm nên cuộc sống không hạnh phúc, ông bà không còn chung sống với nhau từ năm 2021 đến nay và cũng không còn quan tâm chăm sóc nhau, quá trình Tòa án giải quyết vụ án ông Nguyễn Trường G đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do và không trình bày ý kiến tại Tòa án. Xét thấy giữa bà M, ông G có phát sinh mâu thuẫn trong thời gian dài, ông bà cũng không còn quan tâm chăm sóc nhau từ năm 2021 và đã không còn chung sống với nhau, do đó đã làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà Trần Ngọc M được ly hôn với ông Nguyễn Trường G. Bà M, ông G chung sống có một con chung tên Nguyễn Trần Khánh N, sinh ngày 04/11/2016, giới tính nam. Hiện nay con chung đang sống với bà M, ly hôn bà M yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng con chung đến tuổi

trưởng thành, đồng thời con chung cũng có nguyện vọng được sống với bà M nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà M giao con chung Nguyễn Trần Khánh N cho bà Trần Ngọc M tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành; ghi nhận sự tự nguyện của bà M không yêu cầu ông G cấp dưỡng chi phí nuôi con chung; tài sản chung và nợ chung không có nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Buộc nguyên đơn nộp án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và xét đề nghị của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bà Trần Ngọc M khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Nguyễn Trường G, xét ông G có nơi cư trú tại khu phố B, phường B, thành phố H, tỉnh Kiên Giang. Do đó, đây là vụ án về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự có mặt của các đương sự: Quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Nguyễn Trường G được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng hay trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Nguyễn Trường G theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án: Bà Trần Ngọc M và ông Nguyễn Trường G chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường P, thành phố H, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 12/4/2016, do đó hôn nhân của ông, bà là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Theo bà M trình bày trong thời gian chung sống với nhau cuộc sống của bà và ông G xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, ông G không lo làm việc để phụ giúp bà chăm lo cho gia đình, con cái, ông G cũng có mâu thuẫn với mẹ ruột của bà nên từ năm 2021 đến nay bà và ông G không còn chung sống với nhau, trong thời gian này ông bà cũng không còn quan tâm chăm sóc nhau. Quá trình Tòa án giải quyết vụ án ông Nguyễn Trường G có trực tiếp nhận văn bản tố tụng của Tòa án nhưng cố tình vắng mặt không có lý do và không trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của bà M, theo bà M trình bày việc bà xin ly hôn có báo cho ông G biết và ông G đồng ý ly hôn với bà nhưng không đồng ý đến Tòa án. Quá trình Tòa án xác minh tại Chính quyền địa phương nơi ông G và bà M sinh sống được cung cấp ông G, bà M có đăng ký thường trú tại tổ M, khu phố B, phường B, thành phố H, tỉnh Kiên Giang nhưng giữa các đương sự có mâu thuẫn gì không thì địa phương không rõ. Xét thấy, giữa bà M và ông G có mâu thuẫn và

đã không còn chung sống với nhau trong khoảng thời gian dài, ông G biết việc bà M xin ly hôn với ông nhưng không có ý kiến trình bày tại Tòa án cũng như không có tác động gì để vợ chồng hàn gắn lại với nhau, hai bên không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Đối chiếu với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, quy định về ly hôn theo yêu cầu của một bên “1. Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được”. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận cho bà M được ly hôn với ông G.

[4] Về con chung: Bà Trần Ngọc M và ông Nguyễn Trường G chung sống có một con chung tên Nguyễn Trần Khánh N, sinh ngày 04/11/2016, giới tính nam. Hiện nay con chung đang sống với bà M, ly hôn bà M yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng con chung đến tuổi trưởng thành, đồng thời con chung cũng có nguyện vọng được sống với bà M nên căn cứ khoản 2 điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà M giao con chung Nguyễn Trần Khánh N cho bà M tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành; ghi nhận sự tự nguyện của bà M không yêu cầu ông G cấp dưỡng chi phí nuôi con chung

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Bà M trình bày vợ chồng ông bà không có tài sản chung và nợ chung, ông G không có ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí: Bà Trần Ngọc M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 9, Điều 51 và Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

### **Tuyên xử:**

1. Chấp nhận cho bà Trần Ngọc M được ly hôn với ông Nguyễn Trường G.

2. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Trần Khánh N, sinh ngày 04/11/2016, giới tính nam cho bà Trần Ngọc M tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành; ghi nhận sự tự nguyện của bà Trần Ngọc M không yêu cầu ông Nguyễn Trường G cấp dưỡng chi phí nuôi con chung.

Bà Trần Ngọc M cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở ông Nguyễn Trường G trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung theo quy định pháp luật.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Trần Ngọc M trình bày không có và ông Nguyễn Trường G không có ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về án phí: Bà Trần Ngọc M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng). Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng bà M đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001640 ngày 14 tháng 7 năm 2023 của Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Kiên Giang nên bà M không phải nộp thêm.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND TP. H;
- Chi cục THADS TP. H;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Giang Phước Thành**